TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **242/**2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 01/7/2024.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé;

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp TN, xã BX, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp BT 2, xã BPN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(*Các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích S trình bày:*

Chị và anh Trần Trung T tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ăn chơi, cờ bạc, thường xuyên gây nợ nên vợ chồng hay cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị không còn sống chung nhà từ tháng 02/2024. Nay không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang sống với chị S. Khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Trần Trung T trình bày:*

Anh chị tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến ngày 19/12/2023 âm lịch thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh không lo làm ăn và cờ bạc. Anh chị không còn sống chung nhà từ tháng 02/2024. Anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Nếu vợ cho cơ hội hàn gắn thì anh sẽ bỏ cờ bạc, lo làm ăn để nuôi con.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang sống với chị S. Khi ly hôn anh xin được quyền nuôi con, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn và được nuôi con chung của chị S là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích S yêu cầu ly hôn với anh Trần Trung T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T cư trú tại ấp ấp BT2, xã BPN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị S và anh T cưới nhau năm 2018, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phục Nhứt, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị S xin ly hôn với anh T với lý do anh T ăn chơi, cờ bạc, thường xuyên gây nợ nên vợ chồng hay cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị không còn sống chung nhà từ tháng 02/2024. Tại phiên tòa chị S vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn do anh không lo làm ăn và chơi cờ bạc, nhưng anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T là có thật, đã trầm trọng và không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 03/10/2019. Anh T cũng yêu cầu được nuôi cháu T1. Xét yêu cầu được nuôi con của chị S là có cơ sở, vì cháu T1 đang sống với chị S đã ổn định về chỗ ở, chị S cũng có điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc cho cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T1 cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích S.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích S được ly hôn với anh Trần Trung T.

Về con chung: Giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 03/10/2019 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0007238 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị đã nộp xong.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên